

KẾT QUẢ THI NGHỀ PHỔ THÔNG CẤP THCS KHÓA THI NGÀY 22 / 5 / 2018

TRƯỜNG THCS HAI BÀ TRƯNG

Stt	Sbd	Họ và tên		Nữ	Năm sinh			Nơi sinh	Môn thi	Phòng thi	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TB	Xếp loại	Hổng
1	0804	Đinh Ngô Xuân	An	x	05	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	31	8.00	10	9.50	Giỏi	
2	0820	Nguyễn Thiện Quỳnh	An	x	08	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	31	8.50	10	9.50	Giỏi	
3	0821	Phan Minh	An	x	15	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	31	7.50	10	9.50	Giỏi	
4	0837	Cao Minh	Anh	x	25	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	32	6.00	10	9.00	Giỏi	
5	0839	Dương Tâm	Anh	x	24	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	32	8.00	10	9.50	Giỏi	
6	0841	Đặng Hoàng Lan	Anh	x	16	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	32	9.00	10	10.00	Giỏi	
7	0846	Đoàn Nguyễn Bảo	Anh	x	27	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	32	8.00	10	9.50	Giỏi	
8	0857	Hồng Kim	Anh	x	29	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	33	5.00	9.00	8.00	Khá	
9	0889	Nguyễn Duy	Anh		16	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	34	7.25	10	9.50	Giỏi	
10	0896	Nguyễn Đức Nam	Anh		23	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	34	9.25	10	10.00	Giỏi	
11	0902	Nguyễn Khuê Thảo	Anh	x	19	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	34	9.25	10	10.00	Giỏi	
12	0903	Nguyễn Lê Phương	Anh	x	13	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	34	7.00	10	9.50	Giỏi	
13	0931	Nguyễn Tường Quang	Anh		28	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	35	6.50	10	9.00	Giỏi	
14	0936	Phan Ngọc Huyền	Anh	x	05	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	35	6.50	10	9.00	Giỏi	
15	0941	Phạm Minh	Anh	x	19	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	36	9.00	10	10.00	Giỏi	
16	0951	Trà Vũ Đức	Anh		25	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	36	7.00	9.00	8.50	Khá	
17	0954	Trần Đỗ Phương	Anh	x	17	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	36	7.50	10	9.50	Giỏi	
18	0958	Trần Ngọc Vân	Anh	x	27	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	36	5.00	8.00	7.50	Khá	
19	0961	Trần Nguyễn Thế	Anh		26	11	2003	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	36	5.00	7.00	6.50	TB	
20	0965	Trần Quỳnh	Anh	x	25	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	36	5.00	9.00	8.00	Khá	
21	0976	Từ Đỗ Vân	Anh	x	31	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	37	8.25	9.00	9.00	Giỏi	
22	0979	Võ Nguyễn Vân	Anh	x	16	02	2004	Bình Phước	Tin học	37	8.25	9.50	9.00	Giỏi	
23	0991	Đặng Hải Duy	Ân		04	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	37	8.75	10	9.50	Giỏi	
24	0997	Ngô Thừa	Ân		14	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	38	7.50	9.50	9.00	Giỏi	
25	1002	Trần Trịnh Ngọc	Ân	x	01	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	38	6.50	9.50	9.00	Giỏi	
26	1007	Nguyễn Trần Duy	Bách		06	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	38	5.50	9.00	8.00	Khá	
27	1017	Hoàng Gia	Bảo		01	10	2004	Hà Tĩnh	Tin học	38	5.00	7.50	7.00	Khá	

Stt	Sbd	Họ và tên		Nữ	Năm sinh			Nơi sinh	Môn thi	Phòng thi	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TB	Xếp loại	Hổng
28	1027	Nguyễn Gia	Bảo		26	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	39	6.00	9.00	8.50	Khá	
29	1052	Võ Duy Quốc	Bảo		12	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	39	5.00	7.00	6.50	TB	
30	1055	Vương Gia	Bảo		30	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	40	5.50	7.00	6.50	TB	
31	1071	Cao Nguyễn Bảo	Châu	x	04	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	40	6.50	9.00	8.50	Khá	
32	1072	Đỗ Ngọc Minh	Châu	x	03	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	40	8.00	10	9.50	Giỏi	
33	1081	Nguyễn Hà Bảo	Châu	x	22	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	41	8.00	10	9.50	Giỏi	
34	1093	Phạm Nguyễn Minh	Châu	x	04	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	41	6.50	9.50	9.00	Giỏi	
35	1120	Phạm Văn Huy	Cường		06	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	42	5.25	10	9.00	Giỏi	
36	1132	Bùi Đình	Doanh		27	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	42	5.25	7.50	7.00	Khá	
37	1135	Lương Đăng	Doanh		09	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	42	7.00	10	9.50	Giỏi	
38	1155	Lý Minh	Duy		12	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	43	5.50	9.50	8.50	Khá	
39	1166	Phùng Khắc	Duy		17	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	44	9.50	10	10.00	Giỏi	
40	1167	Sử Phương	Duy		17	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	44	6.75	10	9.00	Giỏi	
41	1176	Vũ Hoàng	Duy		03	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	44	7.25	10	9.50	Giỏi	
42	1178	Nguyễn Ngọc	Duyên	x	25	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	44	8.50	10	9.50	Giỏi	
43	1184	Thương Kim	Duyên	x	16	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	44	5.50	9.50	8.50	Khá	
44	1199	Phạm Quốc	Dũng		06	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	45	6.00	9.00	8.50	Khá	
45	1201	Phạm Tiến	Dũng		19	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	45	5.00	9.00	8.00	Khá	
46	1202	Văn Hoàng	Dũng		16	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	45	6.25	9.00	8.50	Khá	
47	1209	Nguyễn Thùy	Dương	x	08	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	45	7.25	10	9.50	Giỏi	
48	1212	Nguyễn Vũ Quý	Dương		17	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	45	Vg	Vg			H
49	1219	Lê Thụy Minh	Đan	x	29	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	45	6.00	10	9.00	Giỏi	
50	1248	Nguyễn Thành	Đạt		07	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	46	7.50	10	9.50	Giỏi	
51	1249	Nguyễn Tiến	Đạt		23	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	47	7.50	9.00	8.50	Khá	
52	1255	Trần Thành	Đạt		09	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	47	5.00	9.00	8.00	Khá	
53	1277	Nguyễn Minh	Diễn		23	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	48	5.00	9.50	8.50	Khá	
54	1282	Đỗ Tiến	Đồng		02	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	48	5.00	8.50	7.50	Khá	
55	1294	Ngô Võ Thành	Đức		09	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	48	7.00	9.00	8.50	Khá	
56	1296	Nguyễn Hồng	Đức		12	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	48	7.00	9.00	8.50	Khá	
57	1299	Nguyễn Minh	Đức		13	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	48	7.75	9.50	9.00	Giỏi	
58	1302	Nguyễn Tuấn Mạnh	Đức		22	02	2004	Hà Nội	Tin học	48	7.75	10	9.50	Giỏi	
59	1310	Đình Quỳnh	Giang	x	22	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	49	9.50	10	10.00	Giỏi	
60	1316	Lê Trường	Giang		17	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	49	8.00	10	9.50	Giỏi	
61	1320	Nguyễn Vân	Giang	x	07	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	49	7.50	10	9.50	Giỏi	

Stt	Sbd	Họ và tên		Nữ	Năm sinh			Nơi sinh	Môn thi	Phòng thi	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TB	Xếp loại	Hổng
62	1321	Phạm Vũ Hoài	Giang	x	28	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	49	6.50	9.00	8.50	Khá	
63	1327	Nguyễn Trần Nguyên	Giáp		26	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	49	6.50	9.50	9.00	Giỏi	
64	1331	Huỳnh Thị Ngân	Hà	x	30	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	49	8.50	10	9.50	Giỏi	
65	1334	Nguyễn Ngọc	Hà	x	16	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	50	8.00	10	9.50	Giỏi	
66	1353	Vũ Quốc	Hào		28	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	50	6.50	9.00	8.50	Khá	
67	1376	Cao Gia	Hân	x	28	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	51	5.00	10	9.00	Giỏi	
68	1378	Chu Nguyễn Bảo	Hân	x	14	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	51	5.00	10	9.00	Giỏi	
69	1380	Đào Nguyễn Thụy	Hân	x	06	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	51	6.50	10	9.00	Giỏi	
70	1392	Nguyễn Cao Ngọc	Hân	x	21	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	52	5.00	10	9.00	Giỏi	
71	1401	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	x	23	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	52	6.75	9.00	8.50	Khá	
72	1405	Phan Võ Bảo	Hân	x	25	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	52	9.00	10	10.00	Giỏi	
73	1409	Trần Ngọc	Hân	x	07	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	52	5.00	8.50	7.50	Khá	
74	1415	Vũ Thái Bảo	Hân	x	24	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	52	7.00	10	9.50	Giỏi	
75	1434	Nguyễn Ngọc	Hiền	x	19	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	53	8.50	10	9.50	Giỏi	
76	1451	Nguyễn Hữu	Hoàng		21	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	54	6.25	10	9.00	Giỏi	
77	1462	Vũ Đình Anh	Hoàng		18	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	54	6.75	10	9.00	Giỏi	
78	1471	Mai Hoàng	Huân		09	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	54	7.25	10	9.50	Giỏi	
79	1472	Nguyễn Hoàng Anh	Huân		16	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	54	8.75	10	9.50	Giỏi	
80	1505	Nguyễn Gia	Huy		01	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	56	7.00	9.50	9.00	Giỏi	
81	1509	Nguyễn Minh	Huy		05	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	56	8.00	9.50	9.00	Giỏi	
82	1519	Nguyễn Vũ Ngọc	Huy		12	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	56	6.25	8.00	7.50	Khá	
83	1527	Trần Minh	Huy		01	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	56	8.75	10	9.50	Giỏi	
84	1538	Kiều Minh	Hùng		16	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	57	6.50	9.00	8.50	Khá	
85	1572	Nguyễn Trần Liên	Hương	x	25	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	58	5.75	8.00	7.50	Khá	
86	1586	Đình Hoàng	Khang		12	01	2004	Đắc Lắc	Tin học	59	8.75	10	9.50	Giỏi	
87	1587	Đoàn Nguyễn Hoàng	Khang		27	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	59	8.25	10	9.50	Giỏi	
88	1596	Lê Nguyễn Duy	Khang		15	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	59	6.25	10	9.00	Giỏi	
89	1600	Nguyễn Gia	Khang		19	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	59	7.50	10	9.50	Giỏi	
90	1601	Nguyễn Hoàng	Khang		04	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	59	5.75	10	9.00	Giỏi	
91	1602	Nguyễn Hoàng	Khang		13	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	59	6.25	8.00	7.50	Khá	
92	1606	Nguyễn Minh	Khang		23	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	59	5.75	10	9.00	Giỏi	
93	1608	Nguyễn Ngọc	Khang		15	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	59	7.50	10	9.50	Giỏi	
94	1617	Phạm Bảo	Khang		18	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	60	9.00	10	10.00	Giỏi	
95	1620	Phạm Duy	Khang		06	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	60	5.75	10	9.00	Giỏi	

Stt	Sbd	Họ và tên		Nữ	Năm sinh			Nơi sinh	Môn thi	Phòng thi	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TB	Xếp loại	Hổng
96	1625	Trần Nguyên	Khang		01	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	60	7.75	10	9.50	Giỏi	
97	1641	Nguyễn Như Tùng	Khanh	x	13	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	61	8.00	10	9.50	Giỏi	
98	1642	Nguyễn Phương	Khanh	x	20	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	61	7.50	10	9.50	Giỏi	
99	1643	Nguyễn Trần Vân	Khanh	x	23	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	61	5.75	10	9.00	Giỏi	
100	1646	Phạm Ngọc Bảo	Khanh		30	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	61	7.00	10	9.50	Giỏi	
101	1653	Đặng Lan	Khánh	x	09	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	61	5.00	8.00	7.50	Khá	
102	1664	Nguyễn Hoàng Kim	Khánh	x	07	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	61	9.00	10	10.00	Giỏi	
103	1674	Trần Gia	Khánh		24	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	62	6.75	10	9.00	Giỏi	
104	1677	Trần Thanh Bảo	Khánh	x	20	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	62	8.50	10	9.50	Giỏi	
105	1685	Trần Mạnh	Khải		06	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	62	6.25	9.00	8.50	Khá	
106	1692	Cao Minh	Khoa		20	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	62	5.50	10	9.00	Giỏi	
107	1715	Nguyễn Đông	Khoa		20	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	63	8.00	9.50	9.00	Giỏi	
108	1733	Trương Phạm Kim	Khoa		30	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	64	7.00	10	9.50	Giỏi	
109	1740	Dương Anh	Khôi		06	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	64	6.75	10	9.00	Giỏi	
110	1745	Đoàn Minh	Khôi		02	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	64	6.50	10	9.00	Giỏi	
111	1749	Hồ Sỹ Đăng	Khôi		20	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	64	7.00	8.00	8.00	Khá	
112	1756	Nguyễn Chế Anh	Khôi		27	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	65	7.50	10	9.50	Giỏi	
113	1765	Nguyễn Trần Ngọc	Khôi		30	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	65	5.75	9.50	8.50	Khá	
114	1790	Lê Phước Chí	Kiên		03	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	66	7.50	7.50	7.50	Khá	
115	1798	Lâm Tuấn	Kiệt		13	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	66	6.50	9.50	9.00	Giỏi	
116	1799	Lê Quang Tuấn	Kiệt		01	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	66	6.00	9.50	8.50	Khá	
117	1816	Huỳnh Lê Ngọc	Kim	x	20	07	2004	Sóc Trăng	Tin học	67	5.25	10	9.00	Giỏi	
118	1823	Trần Võ Thanh	Kim	x	29	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	67	5.75	10	9.00	Giỏi	
119	1831	Lê Đắc Danh	Lam		25	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	67	8.50	10	9.50	Giỏi	
120	1836	Hồ Thị Kim	Lan	x	02	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	67	8.50	10	9.50	Giỏi	
121	1839	Bùi Gia	Lạc		20	08	2004	Bến Tre	Tin học	68	5.00	9.00	8.00	Khá	
122	1840	Nguyễn Đình	Lạc		18	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	68	5.00	10	9.00	Giỏi	
123	1845	Lương Nguyễn Nhật	Lâm		31	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	68	7.00	10	9.50	Giỏi	
124	1855	Lê Hoàng	Liêm		16	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	68	7.75	10	9.50	Giỏi	
125	1864	Đào Thụy Bảo	Linh	x	23	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	68	6.00	8.00	7.50	Khá	
126	1883	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	x	13	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	69	7.25	10	9.50	Giỏi	
127	1891	Nguyễn Võ Khánh	Linh	x	23	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	69	6.50	10	9.00	Giỏi	
128	1905	Nguyễn Thị Mỹ	Loan	x	23	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	70	5.00	8.00	7.50	Khá	
129	1923	Nguyễn Minh Hiển	Long		27	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	71	7.00	9.50	9.00	Giỏi	

Stt	Sbd	Họ và tên		Nữ	Năm sinh			Nơi sinh	Môn thi	Phòng thi	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TB	Xếp loại	Hồng
130	1925	Phan Hoàng Mạnh	Long		20	09	2003	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	71	6.75	7.50	7.50	Khá	
131	1932	Trần Thành	Long		25	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	71	9.50	10	10.00	Giỏi	
132	1954	Nguyễn Trần Thảo	Ly	x	04	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	72	5.50	10	9.00	Giỏi	
133	1963	Nguyễn Phạm Sương	Mai	x	17	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	72	8.50	10	9.50	Giỏi	
134	1967	Trần Dương Ngọc	Mai	x	21	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	72	6.75	9.00	8.50	Khá	
135	2008	Ngô Nguyễn Nguyệt	Minh	x	05	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	74	5.00	9.00	8.00	Khá	
136	2015	Nguyễn Hoàng	Minh		10	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	74	8.75	10	9.50	Giỏi	
137	2027	Nguyễn Uyên Các	Minh	x	20	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	74	7.50	10	9.50	Giỏi	
138	2028	Nguyễn Vũ Anh	Minh		18	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	74	5.00	7.50	7.00	Khá	
139	2030	Phạm Anh	Minh		07	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	74	5.75	7.50	7.00	Khá	
140	2035	Trần Ngọc Nha	Minh	x	30	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	75	7.50	10	9.50	Giỏi	
141	2052	Nguyễn Lê Hải	My	x	12	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	75	8.00	10	9.50	Giỏi	
142	2076	Nguyễn Bá	Nam		10	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	76	7.00	8.00	8.00	Khá	
143	2112	Lê Kim	Ngân	x	19	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	77	7.75	10	9.50	Giỏi	
144	2115	Nguyễn Khánh	Ngân	x	11	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	77	7.25	7.00	7.00	Khá	
145	2117	Nguyễn Lê Gia	Ngân	x	23	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	78	6.75	7.50	7.50	Khá	
146	2123	Nguyễn Võ Bạch	Ngân	x	25	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	78	7.50	10	9.50	Giỏi	
147	2130	Trương Hoàng Kim	Ngân	x	21	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	78	5.00	7.50	7.00	Khá	
148	2135	Cao Phương	Nghi	x	11	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	78	6.50	8.50	8.00	Khá	
149	2136	Đỗ Đoàn Phương	Nghi	x	21	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	78	6.75	8.00	7.50	Khá	
150	2142	Lê Phương	Nghi	x	01	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	78	6.50	7.50	7.50	Khá	
151	2147	Nguyễn Huỳnh Phương	Nghi	x	27	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	79	7.75	10	9.50	Giỏi	
152	2148	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	x	08	08	2004	Khánh Hòa	Tin học	79	7.00	10	9.50	Giỏi	
153	2167	Nguyễn Huỳnh Quang	Nghiêm		15	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	79	6.50	7.50	7.50	Khá	
154	2171	Phạm Minh	Nghĩa		31	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	79	5.00	6.00	6.00	TB	
155	2178	Hoàng	Ngọc	x	07	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	80	7.75	10	9.50	Giỏi	
156	2185	Lê Thanh	Ngọc	x	17	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	80	6.25	7.50	7.00	Khá	
157	2209	Trương Đình Thiên	Ngọc	x	03	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	81	7.25	8.00	8.00	Khá	
158	2215	Võ Dương Bảo	Ngọc	x	07	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	81	5.00	7.50	7.00	Khá	
159	2244	Nguyễn Thảo	Nguyên	x	22	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	82	6.25	7.50	7.00	Khá	
160	2245	Nguyễn Trần Trúc	Nguyên	x	07	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	82	8.00	7.50	7.50	Khá	
161	2258	Phạm Nguyễn Minh	Nguyệt	x	28	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	83	8.00	10	9.50	Giỏi	
162	2259	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	x	09	09	2004	Ninh Bình	Tin học	83	6.50	10	9.00	Giỏi	
163	2265	Trần Thái Phương	Nhã	x	15	11	2003	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	83	5.00	6.50	6.00	TB	

Stt	Sbd	Họ và tên		Nữ	Năm sinh			Nơi sinh	Môn thi	Phòng thi	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TB	Xếp loại	Hổng
164	2274	Nguyễn Hoàng Hữu	Nhân		03	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	83	6.75	7.00	7.00	Khá	
165	2277	Nguyễn Thành	Nhân		30	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	83	9.50	10	10.00	Giỏi	
166	2288	Đặng Lê Minh	Nhật		11	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	84	9.00	10	10.00	Giỏi	
167	2292	Lê Minh	Nhật		10	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	84	8.00	9.00	9.00	Giỏi	
168	2301	Trương Quang	Nhật		25	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	84	8.00	10	9.50	Giỏi	
169	2308	Dương Trúc	Nhi	x	07	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	84	6.50	8.00	7.50	Khá	
170	2320	Lê Ngọc Yến	Nhi	x	16	11	2004	Bình Dương	Tin học	85	9.00	10	10.00	Giỏi	
171	2333	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	x	28	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	85	7.25	10	9.50	Giỏi	
172	2339	Nguyễn Thanh Trúc	Nhi	x	05	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	85	6.25	10	9.00	Giỏi	
173	2358	Nguyễn Bùi Đăng	Nhiệm		30	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	86	8.50	10	9.50	Giỏi	
174	2360	Nguyễn Hoàng Phương	Nhu	x	16	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	86	6.00	10	9.00	Giỏi	
175	2363	Dương Xuân	Như	x	17	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	86	5.50	9.00	8.00	Khá	
176	2369	Lê Bùi Bảo	Như	x	16	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	87	6.00	10	9.00	Giỏi	
177	2371	Lê Minh	Như	x	25	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	87	5.00	7.00	6.50	TB	
178	2376	Nguyễn Huỳnh	Như	x	09	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	87	7.00	9.00	8.50	Khá	
179	2378	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	x	05	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	87	5.50	9.00	8.00	Khá	
180	2386	Phan Hồ Yến	Như	x	21	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	87	6.50	10	9.00	Giỏi	
181	2388	Phạm Lê Quỳnh	Như	x	03	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	87	7.75	9.00	8.50	Khá	
182	2391	Trịnh Hồng	Như	x	08	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	87	6.00	9.00	8.50	Khá	
183	2404	Nguyễn Trần Anh	Pha		02	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	88	6.50	9.00	8.50	Khá	
184	2428	Nguyễn Thiện	Phát		25	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	89	6.50	8.00	7.50	Khá	
185	2439	Bùi Quang	Phú		17	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	89	7.00	10	9.50	Giỏi	
186	2453	Trần Tấn	Phú		08	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	90	7.00	8.00	8.00	Khá	
187	2456	Châu Quang	Phúc		26	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	90	7.00	10	9.50	Giỏi	
188	2469	Mai Thiên	Phúc		01	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	90	6.75	9.00	8.50	Khá	
189	2482	Nguyễn Trọng	Phúc		03	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	91	6.25	7.50	7.00	Khá	
190	2524	Nguyễn Hoàng Khánh	Phương	x	17	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	92	7.50	10	9.50	Giỏi	
191	2525	Nguyễn Phạm Nhật	Phương		03	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	92	8.00	10	9.50	Giỏi	
192	2535	Triệu Mỹ	Phương	x	18	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	92	6.50	10	9.00	Giỏi	
193	2562	Lâm Minh	Quân		06	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	93	8.25	10	9.50	Giỏi	
194	2564	Lý Tiến	Quân		10	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	93	7.25	9.50	9.00	Giỏi	
195	2568	Nguyễn Hoàng	Quân		25	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	94	5.00	9.00	8.00	Khá	
196	2576	Nguyễn Phạm Thảo	Quân	x	29	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	94	7.75	10	9.50	Giỏi	
197	2581	Trần Anh	Quân		03	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	94	8.00	10	9.50	Giỏi	

Stt	Sbd	Họ và tên		Nữ	Năm sinh			Nơi sinh	Môn thi	Phòng thi	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TB	Xếp loại	Hổng
198	2583	Vũ Minh	Quân		09	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	94	7.25	10	9.50	Giỏi	
199	2590	Võ Trung	Quốc		27	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	94	8.00	9.00	9.00	Giỏi	
200	2598	Tôn Nguyễn Hoàng	Quyên	x	21	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	95	5.25	10	9.00	Giỏi	
201	2612	Lê Trúc	Quỳnh	x	02	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	95	7.50	10	9.50	Giỏi	
202	2624	Nguyễn Thụy Trúc	Quỳnh	x	11	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	96	5.25	10	9.00	Giỏi	
203	2625	Nguyễn Trúc	Quỳnh	x	02	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	96	6.50	10	9.00	Giỏi	
204	2631	Phạm Thị Như	Quỳnh	x	20	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	96	5.75	10	9.00	Giỏi	
205	2669	Nguyễn Tấn	Tài		15	07	2004	Đồng Nai	Tin học	97	8.00	10	9.50	Giỏi	
206	2672	Nguyễn Thành	Tài		27	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	97	6.75	9.00	8.50	Khá	
207	2680	Nguyễn Dương Hồng	Tâm	x	03	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	98	5.00	9.50	8.50	Khá	
208	2692	Trần Đoàn Mỹ	Tâm	x	12	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	98	9.00	10	10.00	Giỏi	
209	2705	Trần Ngọc	Tân		26	02	2004	Nam Định	Tin học	99	7.75	9.00	8.50	Khá	
210	2710	Huỳnh Quế	Thanh	x	12	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	99	5.00	8.00	7.50	Khá	
211	2711	Huỳnh Thái	Thanh	x	08	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	99	6.00	10	9.00	Giỏi	
212	2715	Nguyễn Ngọc	Thanh	x	15	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	99	5.00	7.50	7.00	Khá	
213	2721	Tôn Nữ Thanh	Thanh	x	22	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	99	7.75	10	9.50	Giỏi	
214	2722	Trần Đặng Thiên	Thanh	x	13	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	99	5.00	10	9.00	Giỏi	
215	2742	Tất Huy	Thành		15	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	100	8.75	10	9.50	Giỏi	
216	2749	Lê Anh	Thảo	x	04	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	100	7.00	9.00	8.50	Khá	
217	2753	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	x	03	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	100	6.50	9.50	9.00	Giỏi	
218	2758	Trần Huỳnh Thanh	Thảo	x	23	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	100	6.25	9.00	8.50	Khá	
219	2772	Bùi Thị Hồng	Thị	x	24	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	101	6.50	10	9.00	Giỏi	
220	2779	Nguyễn Hồ Bảo	Thiên	x	22	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	101	6.50	6.50	6.50	TB	
221	2794	Nguyễn Lê Xuân	Thịnh		07	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	102	9.00	10	10.00	Giỏi	
222	2821	Phạm Toàn	Thuận		06	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	103	5.50	9.00	8.00	Khá	
223	2825	Trương Minh	Thuận		08	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	103	6.00	9.00	8.50	Khá	
224	2842	Đinh Ngọc Nhi	Thư	x	14	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	104	5.50	6.00	6.00	TB	
225	2845	Đỗ Minh	Thư	x	27	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	104	8.25	10	9.50	Giỏi	
226	2853	Lê Ngọc Minh	Thư	x	11	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	104	5.50	10	9.00	Giỏi	
227	2854	Lê Nguyễn Minh	Thư	x	09	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	104	8.75	9.50	9.50	Giỏi	
228	2859	Ngô Trần Anh	Thư	x	24	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	104	8.00	10	9.50	Giỏi	
229	2864	Nguyễn Lê Minh	Thư	x	04	08	2004	Tây Ninh	Tin học	104	8.00	10	9.50	Giỏi	
230	2873	Nguyễn Trần Minh	Thư	x	20	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	105	5.75	8.50	8.00	Khá	
231	2886	Tô Phúc Anh	Thư	x	11	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	105	5.50	8.00	7.50	Khá	

Stt	Sbd	Họ và tên		Nữ	Năm sinh			Nơi sinh	Môn thi	Phòng thi	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TB	Xếp loại	Hồng
232	2901	Vũ Minh	Thư	x	20	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	106	5.50	10	9.00	Giỏi	
233	2902	Vương Hà Anh	Thư	x	12	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	106	5.50	10	9.00	Giỏi	
234	2911	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	x	29	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	106	6.50	10	9.00	Giỏi	
235	2916	Trần Mẫn	Thy	x	08	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	106	7.50	10	9.50	Giỏi	
236	2954	Phạm Trung	Tín		02	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	108	5.50	5.00	5.00	TB	
237	2969	Bành Ngọc Kim	Trang	x	26	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	108	7.00	8.00	8.00	Khá	
238	2978	Trần Ngọc Phương	Trang	x	04	12	2003	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	109	5.00	9.50	8.50	Khá	
239	2980	Trương Thảo	Trang	x	20	10	2004	Bình Định	Tin học	109	7.50	10	9.50	Giỏi	
240	2997	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	x	20	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	109	5.50	7.50	7.00	Khá	
241	3004	Bùi Lê Bảo	Trân	x	17	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	110	5.50	9.00	8.00	Khá	
242	3016	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	x	28	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	110	6.50	9.00	8.50	Khá	
243	3022	Nguyễn Thị Huyền	Trân	x	12	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	110	7.00	9.50	9.00	Giỏi	
244	3023	Nguyễn Thị Mỹ	Trân	x	27	02	2004	Đồng Tháp	Tin học	110	8.00	9.50	9.00	Giỏi	
245	3033	Bùi Nguyễn Minh	Triết		01	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	111	5.00	9.00	8.00	Khá	
246	3044	Trần Thị Diễm	Trinh	x	14	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	111	6.50	8.50	8.00	Khá	
247	3045	Võ Phạm Đan	Trinh	x	05	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	111	6.00	10	9.00	Giỏi	
248	3058	Nguyễn Đức Minh	Trí		26	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	112	9.00	10	10.00	Giỏi	
249	3068	Võ Thanh	Trọng		22	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	112	6.50	8.50	8.00	Khá	
250	3091	Nguyễn Thanh	Trúc	x	07	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	113	5.25	10	9.00	Giỏi	
251	3100	Trần Thanh	Trúc	x	12	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	113	6.00	10	9.00	Giỏi	
252	3114	Lê Hoàng Anh	Tuấn		29	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	114	5.00	8.50	7.50	Khá	
253	3124	Nguyễn Minh	Tuấn		14	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	114	7.75	10	9.50	Giỏi	
254	3126	Nguyễn Quốc	Tuấn		20	09	2004	Tây Ninh	Tin học	114	5.00	9.00	8.00	Khá	
255	3128	Phạm Nguyễn Minh	Tuấn		18	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	114	7.50	10	9.50	Giỏi	
256	3133	Bùi Thị Thanh	Tuệ	x	23	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	114	6.75	10	9.00	Giỏi	
257	3135	Võ Trí	Tuệ		16	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	114	6.50	7.00	7.00	Khá	
258	3144	Nguyễn Thanh	Tuyền	x	16	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	115	6.00	8.00	7.50	Khá	
259	3155	Nguyễn Trần Minh	Tú		07	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	115	7.25	10	9.50	Giỏi	
260	3176	Trần Nguyễn Cát	Tường	x	23	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	116	8.75	10	9.50	Giỏi	
261	3177	Bùi Quốc	Uy		12	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	116	5.00	8.00	7.50	Khá	
262	3178	Trần Hoàng	Uy		17	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	116	7.00	9.00	8.50	Khá	
263	3202	Nguyễn Ngọc Bảo	Uyên	x	25	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	117	5.50	10	9.00	Giỏi	
264	3212	Phạm Việt Phương	Uyên	x	09	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	117	6.75	8.00	7.50	Khá	
265	3235	Trần Thanh	Vân	x	18	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	118	6.00	10	9.00	Giỏi	

Stt	Sbd	Họ và tên		Nữ	Năm sinh			Nơi sinh	Môn thi	Phòng thi	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TB	Xếp loại	Hổng
266	3238	Trương Yến	Vân	x	14	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	118	5.00	10	9.00	Giỏi	
267	3246	Lê Khắc	Viện		17	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	119	6.50	10	9.00	Giỏi	
268	3251	Phạm Quốc	Việt		09	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	119	6.50	10	9.00	Giỏi	
269	3257	Đỗ Hoàng Phúc	Vinh		09	05	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	119	7.00	10	9.50	Giỏi	
270	3263	Nguyễn Xuân	Vinh		30	03	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	119	5.50	8.00	7.50	Khá	
271	3268	Nguyễn Gia	Vĩ		09	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	119	8.50	10	9.50	Giỏi	
272	3284	Đỗ Nguyễn Khánh	Vy	x	16	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	120	9.50	10	10.00	Giỏi	
273	3296	Lê Khả	Vy	x	13	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	120	6.75	10	9.00	Giỏi	
274	3302	Nguyễn Đan	Vy	x	12	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	121	9.00	10	10.00	Giỏi	
275	3304	Nguyễn Hoàng Bảo	Vy	x	06	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	121	6.00	10	9.00	Giỏi	
276	3305	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	x	04	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	121	5.75	10	9.00	Giỏi	
277	3314	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	x	08	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	121	7.00	9.50	9.00	Giỏi	
278	3316	Nguyễn Nhữ Tường	Vy	x	06	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	121	5.00	7.00	6.50	TB	
279	3324	Phan Nhật Khánh	Vy	x	03	09	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	121	7.25	10	9.50	Giỏi	
280	3330	Trần Bảo	Vy	x	11	11	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	122	5.00	7.00	6.50	TB	
281	3353	Nguyễn Ngọc	Xuân	x	15	08	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	123	7.50	10	9.50	Giỏi	
282	3354	Nguyễn Phúc Hương	Xuân	x	28	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	123	7.75	10	9.50	Giỏi	
283	3364	Trần Bảo	Yến	x	19	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	123	5.00	7.00	6.50	TB	
284	3369	Đỗ Như	Ý	x	01	02	2004	TP.Hồ Chí Minh	Tin học	123	6.00	10	9.00	Giỏi	